TÒA ÁN ND HUYỆN NGA SƠN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 69/2019/HNGĐ-ST
Ngày:20/12/2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN,TỈNH THANH HÓA

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Trung Thu.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Minh.
2. Bà Dương Thị Thắm.

-Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hiền-Kiểm sát viên.

Ngày 20/12/2019. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 177/2019/TLST – HNGĐ ngày 13/9/2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Hán Văn T – sinh năm 1990
Địa chỉ: khu 9, xã B, huyện L, tỉnh Phú Thọ,(có đơn xin xử vắng mặt).
* Bị đơn: Chị Mai Thị M – sinh năm 1987.
Địa chỉ: xóm 8, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa,(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 10/9/2019 và bản tự khai ngày 17/9/2019 anh Hán Văn T trình bày.

Về hôn nhân: Anh và chị Mai Thị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 22/5/2012 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là tính tình không hợp nhau, không quan tâm vun đắp hạnh phúc gia đình, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng sống ly thân từ tháng 01năm 2019 đến nay

không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, nên anh làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Mai Thị M.

Về con chung: Anh T và chị M có 01con chung là Hán Thị Diễm Q – sinh ngày 24/10/2012, hiện cháu đang ở với mẹ. Nếu ly hôn anh T muốn để cho chị M được trực tiếp nuôi dưỡng cháu và anh sẽ cấp dưỡng nuôi con chung theo qui định của pháp luật.

Về tài sản: Anh T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ngày 27/9/2019 Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng. Ở địa phương cho biết anh T và chị M có đăng ký kết hôn tại UBND xã N và tổ chức cưới, sau đó 2 vợ chồng vào miền nam làm ăn, nên nguyên nhân mâu thuẫn ở cơ sở xóm không nắm được, chỉ biết chị M đã về địa phương làm ăn, sinh sống và vợ chồng sống ly thân nhau; Về con chung:Chị M và anh T có 01 con chung, hiện nay cháu đang ở với chị M và đang học tại trường tiểu học xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

*Ý kiến của cháu Hán Thị Diễm Q: Nếu bố mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ, vì bố cháu đi làm ăn xa.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho chị M theo qui định, nhưng chị M đều cố tình vắng mặt. Vì vậy, Tòa án chỉ tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đối với anh T và không tiến hành hòa giải được.

*Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng qui định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành các quyền và nghĩa vụ theo qui định của pháp luật, bị đơn không chấp hành các quyền và nghĩa vụ theo qui định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hán Văn T, cho anh T được ly hôn chị Mai Thị M; Về con: giao cháu Hán Thị Diễm Q cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về án phí: Anh T phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án,được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho chị M theo qui định của pháp luật. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị M vẫn

vắng mặt, nên không thống nhất được hướng giải quyết của vụ án. Ngày 26/11/2019 Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa đã đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất. Chị M vắng mặt nên phải hoãn phiên tòa. Như vậy việc chị M không đến Tòa án để giải quyết vụ án là trường hợp cố tình trốn tránh. Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự(BLTTDS), Hội đồng xét xử(HĐXX) tiến hành xử lần 2, vắng mặt cả anh T và chị M.

[2]Về hôn nhân: Anh Hán Văn T và chị Mai Thị M kết hôn ngày 22/5/2012. Trước khi kết hôn giữa hai người có thời gian tìm hiểu, được hai bên gia đình đồng ý, không ai cản trở, cưới có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Nhưng vợ chồng sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tình ngày càng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2019 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Vì vậy, nghĩ cần xử cho anh T được ly hôn chị Mai Thị M là phù hợp qui định của pháp luật và thực tế.

[3]Về con chung: Anh T và chị M có 01 con chung, hiện cháu đang ở cùng mẹ, nguyện vọng của cháu là nếu bố mẹ ly hôn thì cháu xin ở với mẹ và anh T có ý kiến là giao cháu cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, anh T sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung. Ý kiến của anh T và nguyện vọng của cháu Hán Thị Diễm Q là phù hợp, nên cần giao cháu Q cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]Về tài sản: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[5]Về án phí: Anh Hán Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và án phí về cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm,nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Hán Văn T. Cho anh Hán Văn T được ly hôn chị Mai Thị M.

*Về con: Giao cháu Hán Thị Diễm Q – sinh ngày 24/10/2012 cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Hán Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là:1.500.000đ/tháng(Một triệu năm trăm nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 12 năm 2019 cho đến khi cháu Q trưởng thành(đủ 18 tuổi). Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không ai được cản trở.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành không thi hành, thì hàng tháng người phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

*Về án phí: Anh Hán Văn T phải chịu: 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, và án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ là:300.000đ(Ba trăm nghìn đồng). Tổng cộng là: 600.000đ(Sáu trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí: 300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng*) anh T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0005942 ngày 12/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Anh T còn phải nộp 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST.

*Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt các đương sự. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- VKSND huyện N
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Trung Thu